

**UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGÔ QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 693/KH-TH-NQ

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện công tác thu (thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận)
Năm học 2022-2023**

Căn cứ Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng tiền học học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 2987/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1614/GDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân về việc lấy ý kiến PHHS về các mức thu các khoản thu hộ - chi hộ, thu theo thỏa thuận, năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 627/KH-TH-NQ ngày 05 tháng 9 năm 2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền về Kế hoạch giáo dục nhà trường, năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 634/KH-TH-NQ ngày 06 tháng 9 năm 2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền về Kế hoạch tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường, nhiệm kỳ 2021-2022; Triển khai tổ chức họp cha mẹ học sinh các lớp, năm học 2022-2023; Công tác tổ chức chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhiệm kỳ 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 1732/GDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân về việc lấy ý kiến PHHS về mức thu các khoản thu hộ - chi hộ, thu theo thỏa thuận, năm học 2022-2023;

Thực hiện theo nội dung Công văn số 1933/GDĐT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân về khung mức thu đối với các khoản thu thỏa thuận, năm học 2022-2023;

Căn cứ Thông báo số 689/TB-TH-NQ ngày 11 tháng 10 năm 2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền về tiếp nhận các Văn bản Ban hành khung mức thu của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, trường Tiểu học Ngô Quyền xây dựng Kế hoạch Triển khai thực hiện công tác thu (Thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận), năm học 2022-2023 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích - Yêu cầu:

1. Mục đích:

- Thực hiện nghiêm túc theo chủ trương quản lý tốt các khoản thu - chi trong cơ sở giáo dục theo đúng quy định. Đồng thời tăng cường công tác tham mưu phát triển giáo dục; xây dựng mối quan hệ phối - kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội mang lại hiệu quả.
- Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng nhằm góp phần nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; sử dụng các khoản thu đúng quy định, đúng mục đích và được hạch toán kế toán riêng theo từng khoản thu.
- Tạo môi trường tập thể giúp học sinh rèn kỹ năng sống, bước đầu làm quen với ngôi nhà chung có nhiều bạn bè đồng lứa, biết chia sẻ, biết tự quản, tự chăm sóc bản thân dưới sự giám sát, chỉ dẫn của thầy (cô) giáo. Rèn luyện ý thức và tập luyện cho học sinh những thói quen tốt trong sinh hoạt cá nhân: ăn, uống, ngủ, nghỉ, sinh hoạt đúng giờ.

2. Yêu cầu:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh học sinh yên tâm công tác, làm việc. Học sinh có nơi ăn, chỗ nghỉ trưa tại trường, hạn chế tối đa việc đi lại của các em khi tham gia các lớp học Bán trú.
- Đảm bảo an toàn trường học đối với học sinh Tiểu học đặc biệt là những gia đình phụ huynh học sinh có gia cảnh khó khăn (học sinh tham gia học một buổi), đơn vị cố gắng và nỗ lực sắp xếp, bố trí tổ chức dạy - học 7 buổi/tuần cho học sinh nhằm đảm bảo thời lượng và kiến thức cho học sinh theo chủ trương của Ngành.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định chung của Ngành đối với các chỉ đạo về công tác “*An toàn vệ sinh thực phẩm*”-“*An toàn trường học*”, giúp học sinh phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất để học tập đạt kết quả tốt.

II. Nội dung:

1. Các khoản thu năm học 2022-2023:

- Gồm các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận.
- Đính kèm Phụ lục các khoản thu của từng Khối lớp.

2. Áp dụng thực hiện thu:

- Học sinh học Bán trú (5 khối lớp).
- Học sinh tham gia học Toán - Khoa học (Khối lớp Một).
- Học sinh tham gia học Một buổi.

3. Thời gian thực hiện thu:

a. Các lớp Bán trú và loại hình Toán-Khoa học (Lớp Một):

Stt	Tháng thực học	Thông báo thu	Thời gian thu	Kết thúc	Ghi chú
01	Tháng 9/2022	24/10/2022	27/10/2022	31/10/2022	

Stt	Tháng thực học	Thông báo thu	Thời gian thu	Kết thúc	Ghi chú
02	Tháng 10/2022	31/10/2022	02/11/2022	10/11/2022	
03	Tháng 11/2022	21/11/2022	23/11/2022	28/11/2022	
04	Tháng 12/2022	30/11/2022	05/12/2022	16/12/2022	
05	Tháng 01/2023	03/01/2023	05/01/2023	16/01/2023	
06	Tháng 02/2023	01/02/2023	03/02/2023	17/02/2023	
07	Tháng 3/2023	01/3/2023	03/3/2023	17/3/2023	
08	Tháng 4/2023	03/4/2023	05/4/2023	17/4/2023	
09	Tháng 5/2023	03/5/2023	05/5/2023	16/5/2023	

b. Các lớp tham gia học Một buổi:

Stt	Tháng thực học	Thông báo thu	Thời gian thu	Kết thúc
01	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2022 và Tháng 01 năm 2023	24/10/2022	01/11/2022	30/11/2022
02	Tháng 02, 3, 4, 5 năm 2023	03/02/2023	13/02/2023	15/3/2023

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Công tác quản lý:

- Cán bộ quản lý căn cứ các văn bản pháp lý đã ban hành để xây dựng kế hoạch thực hiện công tác thu, năm học 2022-2023.
- Triển khai kế hoạch đến đội ngũ giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh nắm nội dung và lộ trình triển khai thực hiện.
- Giám sát công tác tổ chức thực hiện, hỗ trợ và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện để công tác thu-chi, hoạch toán đầu năm học đảm bảo theo kịp tiến độ và mặt bằng chung trong khu vực.
- Chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện để xin ý kiến chỉ đạo từ cấp có thẩm quyền.

2. Giáo viên:

- Triển khai kế hoạch thu đến từng phụ huynh học sinh của lớp được biết để phối-kết hợp thực hiện theo lộ trình.
- Ghi nhận ý kiến phản hồi từ phụ huynh và học sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để trao đổi cùng cán bộ quản lý đơn vị qua các cuộc họp và qua hội nghị đầu năm học.
- Hướng dẫn và giải thích giúp phụ huynh hiểu các nội dung áp dụng thực hiện (*Đính kèm các văn bản ban hành khung mức thu được áp dụng trên địa bàn Quận, năm học 2022-2023*).
- Kiểm tra, xem xét những trường hợp phụ huynh và học sinh gặp khó khăn trong quá trình thực hiện để đề xuất các giải pháp phù hợp với gia cảnh của từng phụ huynh và học sinh.
- Hỗ trợ công tác thống kê, báo cáo cùng nhà trường.

3. Nhân viên:

- Bộ phận tài vụ có trách nhiệm tiến hành rà soát công tác thu và quản lý thu theo đúng quy định, báo cáo kịp thời tiến độ thực hiện theo nội dung kế hoạch.
- Chịu trách nhiệm thống kê, báo cáo công tác thu-chi theo các biểu mẫu quy định.
- Kiểm tra, hỗ trợ giáo viên và phụ huynh học sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Tổng hợp và lưu trữ đầy đủ hồ sơ tài chính để phục vụ cho công tác kiểm tra từ các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện nghiêm túc các thủ tục, quy trình, quy định và mở đủ, đúng hệ thống hồ sơ sổ sách thu-chi tài chính; Đồng thời công khai, niêm yết theo hướng dẫn của các Nghị định, Thông tư.

4. Phụ huynh học sinh và các bộ phận đoàn thể:

- Phụ huynh học sinh phối-kết hợp cùng giáo viên và nhà trường để thực hiện đảm bảo kế hoạch theo tiến độ và mặt bằng chung.

- Tổ chức Công đoàn; Ban thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm giám sát và phản hồi ý kiến thắc mắc về cán bộ quản lý, bộ phận tài vụ của nhà trường; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện nhằm mang lại hiệu quả. Tổng hợp các ý kiến phản ánh, góp ý đến cán bộ quản lý nhà trường qua công tác tiếp công dân (*Lịch tiếp công dân*) hoặc qua các số điện thoại cụ thể:

Thời gian	Viên chức tiếp công dân	Chức vụ	Số điện thoại	Ghi chú
Thứ Hai đến Thứ Bảy	Võ Phương Bình	Hiệu trưởng	0907.300.072	
	Nguyễn Huỳnh Thị Lệ	Phó Hiệu trưởng	0934.758.359	
	Tào Thị Diễm Phúc	Phó Hiệu trưởng	0933.919.381	

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện công tác thu (Thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận), năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Ngô Quyền. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu còn vấn đề nào chưa rõ, quý phụ huynh học sinh và quý thầy (cô) vui lòng liên hệ Hiệu trưởng nhà trường (*Thầy: Võ Phương Bình - Điện thoại: 0907.300.072*) để được giải thích rõ hơn. Nhà trường xin chân thành cảm ơn quý phụ huynh học sinh và quý thầy (cô) giáo viên.

Nơi nhận:

- CBQL-GV-NV;
- PHHS; HS;
- Lưu VT.


HIỆU TRƯỞNG
Võ Phương Bình

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận - Năm học 2022-2023
(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

*** Khối lớp Một (Bán trú): Học kỳ I**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ						
1.1	Phù hiệu	18.000					Năm học
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ	8.000					
1.3	Hình (1 tấm lớn, 4 tấm nhỏ)	16.000					
1.4	Học bạ	15.000					
1.5	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.6	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.7	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.8	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	735.000 (21 ngày)	735.000 (21 ngày)	770.000 (22 ngày)	560.000 (16 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận						
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000					Học kỳ I
2.2	Học phí buổi thứ 2 (Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần).	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	180.000	180.000	180.000	180.000	135.000	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học) Tháng 01/2023 (3 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	40.000	40.000	40.000	40.000	30.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	200.000	200.000	200.000	150.000	
2.6	Tiếng Anh phần mềm ngoại ngữ Toán và Khoa học (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	500.000	500.000	500.000	500.000	375.000	
2.7	Vi tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	30.000	30.000	30.000	22.500	1 tháng
2.8	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	
2.9	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	
2.10	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	
1+2	Tổng cộng:	2.382.000	2.275.000	2.275.000	2.310.000	1.842.500	

*** Khối lớp Một (Bán trú): Học kỳ II**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ					
1.1	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.2	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.3	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.4	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	805.000 (23 ngày)	700.000 (20 ngày)	700.000 (20 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận					
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000				Học kỳ II
2.2	Học phí buổi thứ 2 (Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần).	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	180.000	225.000	180.000	180.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học) Tháng 03 (5 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	40.000	50.000	40.000	40.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	250.000	200.000	200.000	
2.6	Tiếng Anh phần mềm ngoại ngữ Toán và Khoa học (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	500.000	625.000	500.000	500.000	
2.7	Vi tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	37.500	30.000	30.000	1 tháng
2.8	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	
2.9	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	
2.10	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	
1+2	Tổng cộng:	2.325.000	2.602.500	2.240.000	2.240.000	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận - Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Hai (Bán trú): Học kỳ I

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ						
1.1	Phù hiệu	18.000					Năm học
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ	8.000					
1.3	Hình (1 tấm lớn, 4 tấm nhỏ)	16.000					
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.6	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.7	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	735.000 (21 ngày)	735.000 (21 ngày)	770.000 (22 ngày)	560.000 (16 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận						
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000					Học kỳ I
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	90.000	90.000	90.000	67.500	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học) Tháng 01/2023 (3 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	60.000	60.000	60.000	45.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	200.000	200.000	200.000	150.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	30.000	30.000	30.000	22.500	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	1 tháng
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.797.000	1.705.000	1.705.000	1.740.000	1.415.000	

* Khối lớp Hai (Bán trú): Học kỳ II

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ					
1.1	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.2	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.3	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.4	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	805.000 (23 ngày)	700.000 (20 ngày)	700.000 (20 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận					
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000				Học kỳ II
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	110.000	90.000	90.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học) Tháng 03 (5 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	75.000	60.000	60.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	250.000	200.000	200.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	37.500	30.000	30.000	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	1 tháng
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.755.000	1.887.500	1.670.000	1.670.000	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chí hộ, thu theo thỏa thuận - Năm học 2022-2023
(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Ba (Bán trú): Học kỳ I

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ						
1.1	Phù hiệu	18.000					Năm học
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ	8.000					
1.3	Hình (1 tấm lớn, 4 tấm nhỏ)	16.000					
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.6	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.7	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	735.000 (21 ngày)	735.000 (21 ngày)	770.000 (22 ngày)	560.000 (16 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận						
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000					Học kỳ I
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	90.000	90.000	90.000	67.500	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học) Tháng 01/2023 (3 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	20.000	20.000	20.000	20.000	15.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	200.000	200.000	200.000	150.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	15.000	15.000	15.000	15.000	11.000	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng)	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.742.000	1.650.000	1.650.000	1.685.000	1.373.500	

* Khối lớp Ba (Bán trú): Học kỳ II

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ					
1.1	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.2	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.3	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.4	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	805.000 (23 ngày)	700.000 (20 ngày)	700.000 (20 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận					
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000				Học kỳ II
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bản ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	110.000	90.000	90.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học) Tháng 03 (5 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	20.000	25.000	20.000	20.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	250.000	200.000	200.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	15.000	19.000	15.000	15.000	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.700.000	1.819.000	1.615.000	1.615.000	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chí hộ, thu theo thỏa thuận - Năm học 2022-2023
(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Bốn (Bán trú): Học kỳ I

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ						
1.1	Phù hiệu	18.000					Năm học
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ	11.000					
1.3	Hình (1 tấm lớn, 4 tấm nhỏ)	16.000					
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.6	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.7	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	735.000 (21 ngày)	735.000 (21 ngày)	770.000 (22 ngày)	560.000 (16 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận						
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000					Học kỳ I
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bán ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	90.000	90.000	90.000	67.500	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học) Tháng 01/2023 (3 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	60.000	60.000	60.000	45.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	200.000	200.000	200.000	150.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	30.000	30.000	30.000	22.500	1 tháng
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.800.000	1.705.000	1.705.000	1.740.000	1.415.000	

* Khối lớp Bốn (Bán trú): Học kỳ II

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ					
1.1	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.2	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.3	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.4	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	805.000 (23 ngày)	700.000 (20 ngày)	700.000 (20 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận					
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000				Học kỳ II
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bán ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	110.000	90.000	90.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học) Tháng 03 (5 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	75.000	60.000	60.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	250.000	200.000	200.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	37.500	30.000	30.000	1 tháng
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.755.000	1.887.000	1.670.000	1.670.000	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận - Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

*** Khối lớp Năm (Bán trú): Học kỳ I**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ						
1.1	Phù hiệu	18.000					Năm học
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ	11.000					
1.3	Hình (1 tấm lớn, 4 tấm nhỏ)	16.000					
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.6	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.7	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	735.000 (21 ngày)	735.000 (21 ngày)	770.000 (22 ngày)	560.000 (16 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận						
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000					Học kỳ I
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bán ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	90.000	90.000	90.000	67.500	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học) Tháng 01/2023 (3 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	60.000	60.000	60.000	45.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	200.000	200.000	200.000	150.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	30.000	30.000	30.000	22.500	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	1 tháng
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.800.000	1.705.000	1.705.000	1.740.000	1.415.000	

*** Khối lớp Năm (Bán trú): Học kỳ II**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ					
1.1	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	1 tháng
1.2	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	40.000	40.000	40.000	40.000	1 tháng
1.3	Nước uống học sinh Bán trú.	30.000	30.000	30.000	30.000	1 tháng
1.4	Tiền ăn Bán trú. Cụ thể: 35.000 đồng/ ngày. + Ăn trưa: 26.000 đồng/ phần/ học sinh. + Ăn xế: 9.000 đồng/ phần/ học sinh.	700.000 (20 ngày)	805.000 (23 ngày)	700.000 (20 ngày)	700.000 (20 ngày)	1 tháng
2	Thu theo thỏa thuận					
2.1	Trang thiết bị, vật dụng phục vụ học Bán trú.	85.000				Học kỳ II
2.2	Học phí buổi thứ 2 (<u>Lớp Bán trú học 40 tiết/tuần</u>).	125.000	125.000	125.000	125.000	1 tháng
2.3	Tiếng Anh bán ngữ (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	90.000	110.000	90.000	90.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học) Tháng 03 (5 tuần thực học)
2.4	Tiếng Anh tăng cường (6 tiết/tuần; 24 tiết/tháng).	60.000	75.000	60.000	60.000	
2.5	Tiếng Anh bổ trợ (2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	200.000	250.000	200.000	200.000	
2.6	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	30.000	37.500	30.000	30.000	
2.7	Giáo dục Kỹ năng sống (1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	1 tháng
2.8	Công tác tổ chức, quản lý và phục vụ Bán trú.	250.000	250.000	250.000	250.000	1 tháng
2.9	Vệ sinh phí Bán trú.	50.000	50.000	50.000	50.000	1 tháng
1+2	Tổng cộng:	1.755.000	1.887.000	1.670.000	1.670.000	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYÊN



Phụ lục 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Một (Một buổi – Chương trình Toán và Khoa học): Học kỳ I

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	THÁNG 01	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	107.000	50.000	50.000	50.000	50.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000					
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000					
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000					
1.4	Học bạ.	15.000					
1.5	Sổ liên lạc điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	Năm học - Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	- Mức thu: 20.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.7	Nước uống học sinh.	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	830.000	830.000	830.000	830.000	622.500	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	180.000	180.000	180.000	180.000	135.000	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học). Tháng 01/2023 (3 tuần thực học).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/ tuần; 16 tiết/ tháng).	40.000	40.000	40.000	40.000	30.000	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học). Tháng 01/2023 (3 tuần thực học).
2.3	Tiếng Anh phần mềm ngoại ngữ Toán và Khoa học (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	500.000	500.000	500.000	500.000	375.000	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học). Tháng 01/2023 (3 tuần thực học).
2.4	Vì tính (Thời lượng học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	30.000	30.000	30.000	30.000	22.500	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học). Tháng 01/2023 (3 tuần thực học).
2.5	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	80.000	80.000	80.000	80.000	60.000	Tháng 9,10,11,12 (4 tuần thực học). Tháng 01/2023 (3 tuần thực học).
1+2	Tổng cộng:	937.000	880.000	880.000	880.000	672.500	

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 06.a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngõ Quyên)

*** Khối lớp Một (Một buổi – Chương trình Toán và Khoa học): Học kỳ II**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	THÁNG 02	THÁNG 3	THÁNG 4	THÁNG 5	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	50.000	50.000	50.000	50.000	
1.1	Số tiền lệ phí điện tử.	15.000	15.000	15.000	15.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.2	Tiền điện thoại lắp đặt bị mất phí.	20.000	25.000	20.000	20.000	- Mức thu: 20.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.3	Nước uống học sinh	15.000	15.000	15.000	15.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	830.000	1.037.500	830.000	830.000	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	180.000	225.000	180.000	180.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học). Tháng 3 (5 tuần thực học).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/ tuần; 16 tiết/ tháng).	40.000	50.000	40.000	40.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học). Tháng 3 (5 tuần thực học).
2.3	Tiếng Anh phần mềm ngoại ngữ Toán và Khoa học (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	500.000	625.000	500.000	500.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học). Tháng 3 (5 tuần thực học).
2.4	Vị tính (Thời lượng học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	30.000	37.500	30.000	30.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học). Tháng 3 (5 tuần thực học).
2.5	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	80.000	100.000	80.000	80.000	Tháng 02,4,5 (4 tuần thực học). Tháng 3 (5 tuần thực học).
1+2	Tổng cộng:	880.000	1.087.500	880.000	880.000	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỖ QUYÊN



Phụ lục 06.a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Một (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GIẢI THÍCH
1	Thu hộ - Chi hộ	307.000	200.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Học bạ.	15.000		
1.5	Sổ liên lạc diện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	100.000	80.000	- Mức thu: 20.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.7	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bán nguyệt (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.3	Vi tính (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.874.500	1.602.500	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chi thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 06.b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

*** Khối lớp Một (Một buổi):**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	207.000	120.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Học bạ.	15.000		
1.5	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bản ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/ tuần; 16 tiết/ tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.3	Vì tính (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.774.500	1.522.500	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chi thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học Kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học Kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYÊN



Phụ lục 07.a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Hai (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	292.000	200.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	100.000	80.000	- Mức thu: 20.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/ tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/ tuần; 16 tiết/ tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.3	Vi tính (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.859.500	1.602.500	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỞNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 07.b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Hai (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	192.000	120.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bản ngữ (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.3	Vì tính (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.759.500	1.522.500	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 08.a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

*** Khối lớp Ba (Một buổi):**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HQC KỲ I	HQC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	292.000	200.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	100.000	80.000	- Mức thu: 20.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Nước uống học sinh.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/ tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.306.250	1.168.750	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.2	Vì tính (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	71.250	63.750	Học kỳ I: 15.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 15.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.3	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.598.250	1.368.750	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chi thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 08.b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Ba (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	192.000	120.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	8.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Nước uống học sinh.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.306.250	1.168.750	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.2	Vì tính (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	71.250	63.750	Học kỳ I: 15.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 15.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.3	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.498.250	1.288.750	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học Kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học Kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 09.a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC
Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận
Năm học 2022-2023

*** Khối lớp Bốn (Một buổi):**
(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	295.000	200.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	11.000		
1.3	Hình (5 tấm thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	100.000	80.000	- Mức thu: 20.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Nước uống học sinh.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.3	Vi tính (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.862.500	1.602.500	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học Kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học Kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỞNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 09.b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Bốn (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HQC KỲ I	HQC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	195.000	120.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	11.000		
1.3	Hình (5 tấm thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Nước uống học sinh.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bản ngữ (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.3	Ví tính (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.762.500	1.522.500	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chỉ thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học Kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học Kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỞNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN



Phụ lục 10.a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC
Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận
Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

*** Khối lớp Năm (Một buổi):**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	<u>Thu hộ - Chi hộ</u>	295.000	200.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	11.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Tiền điện lớp trang bị máy lạnh.	100.000	80.000	- Mức thu: 20.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.6	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	<u>Thu theo thỏa thuận</u>	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/ tuần; 16 tiết/ tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.3	Vì tính (Học 2 tiết/ tuần; 8 tiết/ tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/ tuần; 4 tiết/ tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9,10,11,12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02,3 (5 tuần),4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.862.500	1.602.500	

*** Ghi chú:**

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chi thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYÊN



Phụ lục 10.b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2022

PHỤ LỤC

Về nội dung thu các khoản thu hộ-chi hộ, thu theo thỏa thuận

Năm học 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số 693/KH-TH-NQ ngày 17/10/2022 của trường Tiểu học Ngô Quyền)

* Khối lớp Năm (Một buổi):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	HỌC KỲ I	HỌC KỲ II	GHI CHÚ
1	Thu hộ - Chi hộ	195.000	120.000	
1.1	Phù hiệu.	18.000		
1.2	Giấy kiểm tra định kỳ.	11.000		
1.3	Hình (5 tấm hình thẻ).	16.000		
1.4	Sổ liên lạc điện tử.	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
1.5	Nước uống học sinh	75.000	60.000	- Mức thu: 15.000 đồng/tháng; Học kỳ I: 5 tháng; Học kỳ II: 4 tháng.
2	Thu theo thỏa thuận	1.567.500	1.402.500	
2.1	Tiếng Anh bán ngữ (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	855.000	765.000	Học kỳ I: 180.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 180.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.2	Tiếng Anh tăng cường (Học 4 tiết/tuần; 16 tiết/tháng).	190.000	170.000	Học kỳ I: 40.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 40.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.3	Vì tính (Học 2 tiết/tuần; 8 tiết/tháng).	142.500	127.500	Học kỳ I: 30.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 30.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
2.4	Giáo dục Kỹ năng sống (Học 1 tiết/tuần; 4 tiết/tháng).	380.000	340.000	Học kỳ I: 80.000 đồng/tháng (Tháng 9, 10, 11, 12 và 3 tuần tháng 01). Học kỳ II: 80.000 đồng/tháng (Tháng 02, 3 (5 tuần), 4 và tháng 5).
1+2	Tổng cộng:	1.762.500	1.522.500	

* Ghi chú:

- Nội dung thu cho một năm học, đơn vị chi thực hiện thu duy nhất một lần.
- Nội dung thu theo định kỳ hằng tháng, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ hằng tháng.
- Nội dung thu theo định kỳ Học kỳ, đơn vị sẽ thực hiện thu định kỳ đầu mỗi Học kỳ I và Học Kỳ II.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN